

Bàn về quyền sở hữu của Nhà nước đối với kết quả nghiên cứu

Đinh Việt Bách

Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ KH&CN

Quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu đã được quy định tại Luật Khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2013. Tuy nhiên, sau thời gian triển khai trong thực tế đã phát sinh một số bất cập, vướng mắc liên quan tới quyền này, được xem như “không phù hợp với hoạt động KH&CN và cơ chế thị trường”. Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về vấn đề đặt ra.

Bất cập nảy sinh từ thực tiễn

Theo quy định tại Luật KH&CN năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, có một số quy định liên quan về quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu, đặc biệt là kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước được coi là thuộc sở hữu nhà nước như sau:

Điều 41, Luật KH&CN năm 2013 có quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể:

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước thì đại diện chủ sở hữu nhà nước được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ KH&CN là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp

tỉnh là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở do mình phê duyệt;

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức không thuộc quy định tại điểm a và điểm b của khoản này là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do mình quyết định phê duyệt.

3. Đại diện chủ sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này có quyền xét giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4. Việc thực hiện quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều này được quy định như sau:

a) Trường hợp được giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu thì tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện quyền này theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ;

b) Trường hợp được giao quyền sử dụng thì tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện quyền

này theo quy định của pháp luật.

Quá trình triển khai thực hiện Luật KH&CN 2013 đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc xung quanh vấn đề về quyền sở hữu nhà nước đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi tắt là kết quả nghiên cứu), cụ thể như sau:

1. Kết quả KH&CN của Nhà nước dễ dẫn đến tình trạng “cha chung không ai khóc”.

Ngay từ khi đề xuất nhiệm vụ KH&CN, nếu là nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước, do Nhà nước cấp toàn bộ kinh phí thực hiện thì dễ có tình trạng tìm mọi cách thuyết minh để được Nhà nước cấp kinh phí, không quan tâm đến đề xuất nghiên cứu có tính mới, có tính khoa học hay không cũng như khả năng ứng dụng vào thực tiễn của kết quả KH&CN. Điều đó khó tránh khỏi tình trạng kết quả nghiên cứu cất trong ngăn bàn, gây lãng phí tài chính của Nhà nước.

Tuy nhiên, nếu cá nhân hay tổ chức tự chi trả kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN, trong đó có đề xuất Nhà nước tài trợ một phần kinh phí thì các cá nhân, tổ chức sẽ có trách nhiệm hơn với đề xuất nghiên cứu của mình, các đề xuất sẽ có tính mới, tính khoa học cao hơn. Đặc biệt, đối với các kết quả



Nghiên cứu khoa học tại Viện Dầu khí Việt Nam

nghiên cứu có tính ứng dụng thì các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu, đã dùng nguồn tài chính của mình để thực hiện nhiệm vụ KH&CN sẽ tích cực, chủ động hơn trong việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Qua nghiên cứu chính sách KH&CN ở một số nước có nền KH&CN phát triển (ví dụ như Cộng hòa liên bang Đức, Phần Lan...) tác giả nhận thấy, với các đề tài khoa học có tính ứng dụng, các tổ chức KH&CN luôn tìm được các đối tác cùng đầu tư kinh phí để nghiên cứu, đồng thời đề nghị các quỹ KH&CN của Nhà nước tài trợ thêm kinh phí (với cơ cấu: tổ chức KH&CN đầu tư khoảng 40%, Nhà nước đầu tư khoảng 30% và doanh nghiệp đầu tư khoảng 30%). Để thu hút được doanh nghiệp đầu tư vào đề tài thì tổ chức KH&CN phải thuyết minh được tính khoa học, tính mới và khả năng thương mại hóa của kết quả nghiên cứu, khi đó để khuyến khích, hỗ trợ tổ chức KH&CN thực hiện đề tài nghiên cứu, Nhà nước sẽ tài trợ một phần kinh phí. Khi đề tài hoàn thành, kết quả nghiên cứu thường có tính ứng dụng cao,

tránh được tình trạng lãng phí ngân sách đầu tư cho KH&CN và Nhà nước cũng không có quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu, tổ chức KH&CN là chủ sở hữu của kết quả nghiên cứu đó.

2. Khó khăn trong việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để giao kết quả nghiên cứu, ứng dụng vào thực tiễn.

Nếu kết quả nghiên cứu thuộc sở hữu Nhà nước thì Nhà nước lại phải mất thời gian, kinh phí cho việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để giao kết quả nghiên cứu và ứng dụng kết quả vào thực tiễn. Thực tiễn có nhiều trường hợp nghiên cứu ra kết quả nhưng không có tổ chức, cá nhân nào muốn nhận kết quả nghiên cứu để ứng dụng vào sản xuất, đời sống. Nhà nước không biết chọn đơn vị nào để giao kết quả nghiên cứu.

Hoặc một trường hợp khác, nếu kết quả có tính ứng dụng cao, có khả năng sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, có khả năng sinh lời cao thì có thể dẫn đến tình trạng các tổ chức, cá nhân bắt tay nhau đim giá trị kết quả nghiên cứu thấp hơn giá trị thực để được lợi nhiều hơn, hoặc

sẽ nảy sinh các biến tướng khác trong quá trình lựa chọn tổ chức, cá nhân để giao kết quả nghiên cứu. Ví dụ một tổ chức KH&CN nhận được một đề tài nghiên cứu chế tạo máy lọc nước với tổng kinh phí là 1 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước, khi đề tài hoàn thành, ra được công nghệ chế tạo máy lọc nước rất hiệu quả và được thị trường đón nhận, giá trị công nghệ chế tạo máy lọc nước ngoài thị trường có thể lên đến hàng trăm tỷ đồng. Nhưng tổ chức KH&CN bắt tay với một doanh nghiệp khác và chỉ chuyển giao công nghệ chế tạo máy lọc nước với giá 1 tỷ đồng (bằng kinh phí ngân sách nhà nước đã đầu tư nghiên cứu) để nộp vào ngân sách nhà nước, phần chênh lệch giữa giá trị thực và giá trị chuyển giao công nghệ thì tổ chức KH&CN và doanh nghiệp sẽ chia nhau hưởng lợi.

Cũng với đề tài trên, nếu kết quả nghiên cứu thuộc sở hữu của tổ chức KH&CN thì tổ chức sẽ tìm mọi cách để tối đa hóa lợi nhuận trong việc chuyển giao công nghệ sản xuất máy lọc nước, giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ có thể là 100 tỷ đồng và thu về lợi nhuận cho tổ chức. Qua đó, Nhà nước cũng sẽ thu được nhiều thuế hơn từ lợi nhuận của tổ chức.

3. Khó khăn trong việc định giá kết quả nghiên cứu thuộc sở hữu Nhà nước.

Có những kết quả nghiên cứu sử dụng một số tiền rất lớn từ ngân sách nhà nước, nhưng giá trị kết quả nghiên cứu khi thương mại hóa có thể lại thấp hơn nhiều lần so với tổng kinh phí ngân sách đã đầu tư nghiên cứu (giá thị trường). Nếu định giá kết quả nghiên cứu thấp hơn giá trị kinh phí ngân sách đã đầu tư thì không phù hợp với quy định của pháp luật, nhưng nếu định giá bằng với giá trị kinh phí ngân sách đã đầu tư thì không tổ chức, cá nhân nào nhận bàn giao kết quả



Hoạt động nghiên cứu khoa học tại Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học

nghiên cứu. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính gây khó khăn trong việc ban hành văn bản hướng dẫn việc định giá kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước.

Ví dụ, có đề tài sử dụng 3 tỷ đồng ngân sách nhà nước để nghiên cứu nhưng kết quả nghiên cứu không có khả năng thương mại hóa và không tổ chức, cá nhân nào muốn nhận kết quả nghiên cứu để sản xuất, kinh doanh. Ngược lại, có đề tài nghiên cứu chế tạo máy lọc nước với tổng kinh phí là 1 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước nhưng khi hoàn thành, công nghệ sản xuất máy lọc nước có thể bán với giá 100 tỷ đồng. Vì vậy, việc đưa ra một quy định chung của Nhà nước để định giá kết quả nghiên cứu trong 2 ví dụ nêu trên là rất khó.

Nếu không có quy định Nhà nước là chủ sở hữu đối với kết quả nghiên cứu thì việc định giá kết quả nghiên cứu sẽ hoàn toàn do thị trường quyết định, giá trị kết quả nghiên cứu phụ thuộc vào giá trị sử dụng của kết quả nghiên cứu và nhu cầu sử dụng kết quả nghiên cứu đó chứ không phụ thuộc vào mức kinh phí từ ngân sách nhà nước đã đầu tư nghiên cứu. Như vậy, chúng ta sẽ không phải nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn việc định giá kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước - một việc rất khó hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu mặc dù thuộc sở hữu của Nhà nước nhưng tri thức vẫn nằm trong đầu các tác

giả nghiên cứu, vì vậy quy định Nhà nước là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu nhiều khi chỉ là hình thức, các tác giả đã nghiên cứu ra kết quả đó có thể triển khai kết quả nghiên cứu vào thực tiễn cuộc sống và thu lợi nhưng Nhà nước lại không thu được gì.

Ví dụ có tình trạng hiện nay là, nhiều đề tài nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước và kết quả nghiên cứu thuộc sở hữu của Nhà nước nhưng các tổ chức chủ trì và các tác giả nghiên cứu không muốn công khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh hoặc không muốn chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, cá nhân khác vì nếu chuyển giao họ sẽ không thu được lợi gì mà phải nộp về cho ngân sách nhà nước. Nhưng các tác giả là những người trực tiếp nghiên cứu ra kết quả khoa học, có tri thức trong đầu, họ có thể liên kết với tổ chức, cá nhân khác để triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh để thu lợi mà Nhà nước thì không thu được gì.

5. Việc quy định kết quả nghiên cứu của Nhà nước thể hiện Nhà nước trực tiếp thực hiện hoạt động KH&CN, trong khi Nhà nước đang thực hiện chức năng quản lý về KH&CN, điều đó có thể ví Nhà nước vừa đá bóng, vừa thổi còi trong hoạt động này.

Một số khuyến nghị

Để KH&CN phát triển theo đúng quy luật, phục vụ đắc lực cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chúng ta cần có các chính sách về

DIỄN ĐÀN

KH&CN phù hợp với đặc điểm của hoạt động KH&CN, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường, cụ thể:

- Nhà nước chỉ thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về KH&CN là xây dựng và ban hành pháp luật, chính sách để quản lý, điều chỉnh và hỗ trợ hoạt động KH&CN, tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, pháp luật về KH&CN.

- Nhà nước không trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, mọi hoạt động KH&CN là do các tổ chức, cá nhân trong xã hội thực hiện. Để khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động KH&CN, Nhà nước có thể tài trợ một phần kinh phí để tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động KH&CN. Khi đó, mọi kết quả nghiên cứu đều thuộc sở hữu của cá nhân hoặc tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Ngay cả những nhiệm vụ KH&CN phục vụ quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ trọng điểm ưu tiên KH&CN mà các tổ chức, cá nhân khác không có khả năng thực hiện hoặc không muốn thực hiện, Nhà nước có thể tài trợ toàn bộ kinh phí thực hiện nhiệm vụ thì Nhà nước cũng không nên là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu mà chủ sở hữu nên là tổ chức, cá nhân đã đề xuất và thực hiện nhiệm vụ.

- Chỉ tài trợ cho các đề tài KH&CN khi có nhiều đối tượng cam kết cùng đầu tư nghiên cứu. Có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư cho hoạt động KH&CN, đa dạng hóa nguồn tài chính đầu tư cho KH&CN.

- Tập trung ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện những nhiệm vụ KH&CN phục vụ quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ trọng điểm, ưu tiên mà các tổ chức, cá nhân khác không có khả năng thực hiện hoặc không muốn thực hiện.